

ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG VIỆC TẠO BÀI LUYỆN TẬP TIẾNG ANH THEO NGỮ CẢNH

Nguyễn Thị Linh Nga
Trường Liên cấp THCS, TH Ngôi Sao Hà Nội

Tóm tắt: Nghiên cứu khảo sát hiệu quả và hạn chế của trí tuệ nhân tạo (AI) trong việc tạo bài tập tiếng Anh có ngữ cảnh cho học sinh trung học tại Việt Nam. Sử dụng phương pháp hỗn hợp, dữ liệu thu thập từ 55 giáo viên qua bảng hỏi và 5 giáo viên giàu kinh nghiệm qua phỏng vấn tại TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội. Kết quả cho thấy 78,2% giáo viên sử dụng các công cụ như ChatGPT, Quillbot ít nhất hằng tuần, 65,5% đánh giá chúng hiệu quả hoặc rất hiệu quả trong việc tạo bài tập phù hợp. Ngoài ra, 72,7% khẳng định nhiệm vụ phản ánh tình huống giao tiếp thực tế và 69,1% cho rằng phù hợp với chương trình tiếng Anh quốc gia, cho thấy tiềm năng lớn trong ngữ cảnh hóa tài liệu, đặc biệt cho học sinh trình độ trung cấp và cao cấp. Tuy nhiên, 58,2% giáo viên nêu nội dung thiếu phù hợp văn hóa, 61,8% cho rằng mức độ khó không khớp. Phỏng vấn nhấn mạnh vai trò điều chỉnh của giáo viên để đảm bảo rõ ràng, phù hợp lứa tuổi. Nghiên cứu kết luận AI hữu ích nhưng chỉ là công cụ hỗ trợ, đồng thời kiến nghị đào tạo năng lực AI cho giáo viên, xây dựng hướng dẫn quốc gia, bản địa hóa nội dung và tuân thủ đạo đức dữ liệu.

Từ khóa: Trí tuệ nhân tạo, dạy tiếng Anh, bài tập luyện có ngữ cảnh, giáo dục trung học, ChatGPT, Quillbot, AI trong giáo dục, trình độ ngôn ngữ, liên kết chương trình học.

EXPLORING THE USE OF AI IN GENERATING CONTEXTUALIZED ENGLISH LANGUAGE PRACTICE TASKS

Nguyen Thi Linh Nga
Hanoi Star Secondary and Primary School

Abstract: This study examines the effectiveness and limitations of artificial intelligence (AI) in generating contextualized English exercises for secondary school students in Vietnam. Using a mixed-methods approach, data were collected from 55 English teachers via questionnaires and 5 experienced teachers through interviews in Ho Chi Minh City and Hanoi. Findings show that 78.2% of teachers use tools such as ChatGPT and Quillbot at least weekly, with 65.5% rating them as effective or highly effective for producing suitable exercises. Additionally, 72.7% reported that AI-generated tasks reflected real-life communicative situations, and 69.1% considered them aligned with the national English curriculum, indicating strong potential for contextualized materials, especially for intermediate and advanced learners. However, challenges remain: 58.2% noted cultural inappropriateness, and 61.8% highlighted mismatches in task difficulty. Interviews emphasized the teacher's role in editing to ensure age-appropriateness, clarity, and contextual relevance. While AI can save preparation time, it should serve as a supportive tool rather than replace pedagogical expertise. The study concludes with policy implications: teacher AI training, national guidelines, localized content development, and adherence to ethical data principles.

Keywords: Artificial Intelligence, English Language Teaching, Contextualized Practice Tasks, Secondary Education, ChatGPT, Quillbot, AI in Education, Language Proficiency, Curriculum Alignment.

Nhận bài: 16/07/2025

Phản biện: 11/08/2025

Duyệt đăng: 16/08/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Những tiến bộ của trí tuệ nhân tạo (AI) đang thay đổi việc dạy ngôn ngữ, song cách khai thác để tạo ra bài tập tiếng Anh có ngữ cảnh nhằm phát triển năng lực giao tiếp vẫn còn nhiều tranh luận. Các công cụ AI được ghi nhận có khả năng cá nhân hóa, tăng tốc phản hồi và khơi gợi hứng thú (Boeru, 2024; Jegede, 2024), nhưng chưa có sự thống nhất về khái niệm “luyện tập có ngữ cảnh” và thường thiếu chiều sâu giao tiếp thực tế. Một số nghiên cứu chỉ ra AI chủ yếu dừng ở thao tác từ vựng (Boeru, 2024), cải thiện độ chính xác ngôn ngữ nhưng kém hiệu quả khi chuyển sang bối cảnh mới (Gayed et al., 2022), hoặc thiên về động lực hơn là chuẩn giao tiếp (Hwang et al., 2023). Nhận thức của giáo viên cũng phản ánh lo ngại về tính phù hợp văn hóa và giá trị sư phạm (Chung &

Jeong, 2024; Hua Hong Hieu & Le Thanh Thao, 2024). Bên cạnh đó, AI còn gặp hạn chế về chọn chủ đề, kiểm soát độ khó và đánh giá năng lực dụng học (Jegede, 2024).

Tổng thể, nghiên cứu hiện nay vẫn phân mảnh: AI được ca ngợi về tiềm năng, nhưng thiếu cơ sở lý thuyết và công cụ đánh giá đáng tin cậy để xác định mức độ phát triển kỹ năng giao tiếp. Vấn đề trung tâm đặt ra là cần có nguyên lý thiết kế và bộ tiêu chí kiểm chứng để đảm bảo các bài tập do AI tạo ra mang tính ngữ cảnh thực sự và phù hợp với năng lực người học.

Nghiên cứu đặt ra hai câu hỏi:

1. AI hiệu quả thế nào trong việc tạo bài tập tiếng Anh có ngữ cảnh phù hợp cho người học ở các trình độ khác nhau?

2. Những thách thức và hạn chế nào tồn tại khi ứng dụng AI vào xây dựng bài tập có ngữ cảnh cho lớp học?

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Tổng quan tài liệu

2.1.1. Khả năng tạo ngữ cảnh của thuật toán

Những hệ thống dựa trên luật trước đây chủ yếu cung cấp bài diễn từ, ít chú trọng đến ngữ cảnh dụng học. Ngược lại, các mô hình transformer hiện đại cho thấy khả năng lồng ghép cấu trúc ngôn ngữ vào tình huống phong phú hơn. Boeru (2024) ghi nhận giáo viên tiếng Anh chuyên ngành dùng ChatGPT để tạo tình huống kỹ thuật hàng hải, nơi từ vựng chuyên môn được đặt trong bối cảnh hành động thực tiễn, phản ánh quan điểm coi ngôn ngữ như hành động có mục đích.

Tương tự, Jegede (2024) cho thấy công cụ hội thoại AI có thể điều chỉnh đề bài theo chủ đề chương trình học, khuyến khích học sinh tạo phản hồi mở rộng gắn với mục tiêu giao tiếp thực tế. Những kết quả này khẳng định mô hình ngôn ngữ lớn mang lại nguồn tư liệu diễn ngôn phong phú, sẵn sàng tái sử dụng cho mục đích giảng dạy.

Ngoài chatbot, các nền tảng đa phương tiện mở rộng khả năng tạo ngữ cảnh. Hwang et al. (2023) kết hợp thị giác máy tính và sinh văn bản để tạo bài viết dựa trên ảnh cá nhân của học sinh, lồng ghép từ vựng và ngữ pháp vào trải nghiệm thực tế. Thí nghiệm 12 tuần cho thấy tiến bộ rõ rệt về phát triển ý tưởng và nhận thức người nghe, gợi ý việc cá nhân hóa ngữ cảnh giúp nâng cao độ tinh tế tu từ.

Bảng điều khiển thích ứng cũng khai thác phân tích học tập. Gayed et al. (2022) tích hợp trợ lý viết AI vào vòng phản hồi lặp lại, cho phép điều chỉnh động các yếu tố thể loại, chuẩn trích dẫn và đối tượng độc giả. Người học không chỉ giảm lỗi ngữ pháp mà còn phát triển lập luận chuyên ngành tốt hơn, cho thấy AI có thể vượt khỏi mức thay thế từ vựng đơn thuần để đáp ứng quy ước diễn ngôn.

2.1.2. Phân hóa theo trình độ người học và mức độ hiệu quả

Hiệu quả theo trình độ vẫn còn không đồng đều. Chung và Jeong (2024) khảo sát 178 giáo viên thực tập sư phạm Trung Quốc sau khóa thực hành thiết kế bài học với Bing Copilot. Kết quả cho thấy sự hài lòng cao khi xây dựng bài tập cho trình độ trung cấp, nơi chiều sâu ngữ cảnh hỗ trợ cho kiến thức ngữ pháp sẵn có. Ngược lại, với người học sơ cấp, giới hạn vốn từ khiến việc tham gia các kịch bản ngữ cảnh gặp khó khăn nếu thiếu hướng dẫn chuyển hóa hình thức-ngĩa.

Hua Hong Hieu và Le Thanh Thao (2024) cũng ghi nhận kết quả tương tự tại Việt Nam. Giáo viên

tiểu học sử dụng ChatGPT tạo bài kể lại truyện cổ tích theo ba cấp độ trình độ. Khả năng đọc hiểu tăng trên tất cả các nhóm, nhưng hiệu ứng mạnh nhất ở nhóm trên trung cấp, do khả năng vận dụng góc nhìn nhân vật và giọng điệu kể chuyện tốt hơn. Với học sinh sơ cấp, giáo viên phải dành nhiều thời gian chỉnh sửa ngữ pháp, đơn giản hóa cấu trúc câu và thành ngữ để đảm bảo dễ hiểu, làm giảm lợi thế tiết kiệm thời gian mà AI hứa hẹn.

Jegede (2024) mở rộng phân tích về phản hồi phát âm thời gian thực. Trình luyện phát âm AI cung cấp báo cáo chẩn đoán tức thì trong các bài hội thoại mô phỏng ở ba nhóm trình độ. Người học cao cấp tận dụng phân tích âm vị học để điều chỉnh ngữ điệu phù hợp với mục đích giao tiếp, trong khi nhóm trung cấp chủ yếu tập trung vào độ chính xác âm tiết. Dù cả hai nhóm đều tiến bộ, nhóm cao cấp đạt tiến bộ dụng học cao hơn rõ rệt, cho thấy hiệu quả AI phụ thuộc vào năng lực tiếp nhận thông tin phức tạp.

2.1.3. Thách thức và hạn chế khi triển khai trong lớp học

Dù AI có tiềm năng đáng kể, nhiều hạn chế vẫn cần lưu ý. Trước hết là độ xác thực ngữ cảnh: Boeru (2024) cho thấy các bài tập chuyên ngành đôi khi sai nội dung, làm giảm độ tin cậy và đòi hỏi chuyên gia kiểm duyệt. Điều này phản ánh vấn đề sâu hơn: AI tạo diễn ngôn lưu loát nhưng có thể lồng ghép thông tin sai.

Thứ hai là đạo đức và dữ liệu. Chung & Jeong (2024) ghi nhận lo ngại về quyền sở hữu trí tuệ và thiên vị văn hóa, trong khi thiếu minh bạch dữ liệu khiến giáo viên khó kiểm soát nội dung không phù hợp.

Thứ ba là hạ tầng kỹ thuật. Hwang et al. (2023) nêu độ trễ khi nhận diện hình ảnh ở lớp học vùng sâu, còn Gayed et al. (2022) ghi nhận hạn chế truy cập do tường lửa.

Về sư phạm, Hua Hong Hieu & Le Thanh Thao (2024) cho rằng truyện kể AI đôi khi không khớp mục tiêu chương trình, còn Jegede (2024) thấy phản hồi phát âm chưa phù hợp tiêu chí thi cử. Ngoài ra, giáo viên lo ngại AI làm giảm tương tác học sinh, ảnh hưởng đến cơ chế thương lượng ý nghĩa.

2.2. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu áp dụng phương pháp hỗn hợp, kết hợp khảo sát định lượng và phỏng vấn định tính nhằm khám phá hiệu quả của AI trong việc tạo ra các bài tập tiếng Anh có ngữ cảnh. Dữ liệu được thu thập từ 55 giáo viên tiếng Anh bậc trung học tại TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Dữ liệu định lượng được thu thập thông qua bảng hỏi có cấu trúc, tập trung vào: tần suất sử

dụng công cụ AI, nhận định về hiệu quả và mức độ phù hợp về ngữ cảnh của các bài tập do AI tạo ra. Dữ liệu định tính được thu thập qua phỏng vấn bán cấu trúc với 5 giáo viên giàu kinh nghiệm, nhằm tìm hiểu sâu hơn về lợi ích, hạn chế và quá trình tích hợp tài liệu AI vào lớp học.

Để đảm bảo độ tin cậy, nghiên cứu áp dụng phương pháp tam giác hóa (triangulation) so sánh phản hồi của học sinh, ý kiến phản ánh của giáo viên và phân tích mẫu bài tập do AI tạo ra. Các công cụ AI khảo sát bao gồm ChatGPT và Quillbot — những phần mềm phổ biến được giáo viên tại Việt Nam sử dụng từ năm 2023.

Nghiên cứu hướng đến cung cấp các hiểu biết thực tiễn tại địa phương về cách AI có thể hỗ trợ dạy tiếng Anh, đặc biệt trong việc nâng cao chất lượng ngữ cảnh của bài luyện tập gắn với đời sống thực tế và chương trình học của học sinh.

2.3. Kết quả và thảo luận

2.3.1. Tổng quan việc sử dụng AI trong giảng dạy tiếng Anh

Việc tích hợp công cụ AI trong dạy tiếng Anh

tại bậc trung học Việt Nam đã nhận được nhiều sự quan tâm kể từ năm 2023. Nghiên cứu với thiết kế hỗn hợp đã phân tích dữ liệu từ 55 giáo viên tại TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội, kết hợp khảo sát định lượng với phỏng vấn định tính từ 5 giáo viên nhiều kinh nghiệm. Mục tiêu trung tâm là đánh giá hiệu quả của AI trong việc tạo bài tập tiếng Anh có ngữ cảnh phù hợp cho các trình độ khác nhau, đồng thời nhận diện các thách thức sự phạm đi kèm.

Hai công cụ được khảo sát là ChatGPT và Quillbot — vốn được nhiều giáo viên lựa chọn nhờ dễ tiếp cận và khả năng tạo nội dung đa dạng. Nghiên cứu tập trung vào hai câu hỏi nghiên cứu:

(1) AI hiệu quả ra sao trong việc tạo bài tập tiếng Anh có ngữ cảnh?

(2) Những thách thức nào khi ứng dụng AI vào phát triển bài tập luyện ngữ cảnh cho lớp học?

Kết quả định lượng cung cấp cái nhìn về tần suất sử dụng, lợi ích cảm nhận và mức độ phù hợp ngữ cảnh của các bài tập. Bảng 1 tóm tắt các số liệu chính từ bảng hỏi giáo viên.

Bảng 1. Tần suất và mức độ hiệu quả của việc sử dụng AI (N = 55)

Chỉ số	Rất đồng ý	Đồng ý	Trung lập	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
Tôi thường xuyên sử dụng AI để tạo bài tập	38,2%	34,5%	16,4%	7,3%	3,6%
Bài tập AI tạo ra phản ánh bối cảnh thực tế của người học	30,9%	40,0%	14,5%	10,9%	3,6%
AI giúp phân hóa bài tập theo trình độ	34,5%	36,4%	18,2%	7,3%	3,6%
Tôi tự tin tích hợp tài liệu AI vào lớp học	27,3%	45,5%	16,4%	7,3%	3,6%

2.3.2 Hiệu quả của AI trong việc tạo ra các nhiệm vụ ngôn ngữ theo ngữ cảnh

Trọng tâm chính của nghiên cứu này là xem xét mức độ mà các tài liệu do AI tạo ra đáp ứng nhu cầu học tập theo ngữ cảnh của học sinh ở các

trình độ khác nhau. Giáo viên được yêu cầu đánh giá các nhiệm vụ do AI tạo ra trên ba phương diện: độ chính xác ngữ pháp, sự phù hợp về ngữ cảnh và khả năng thích ứng với trình độ. Bảng 2 tóm tắt các đánh giá này.

Bảng 2. Đánh giá các nhiệm vụ do AI tạo ra theo trình độ (Điểm trung bình trên thang 1–5)

Tiêu chí	Trình độ Sơ cấp	Trình độ Trung cấp	Trình độ Nâng cao	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
Độ chính xác ngữ pháp	4.5	4.4	4.3	7,3%	3,6%
Tính phù hợp ngữ cảnh	4.2	4.3	3.9	10,9%	3,6%
Phù hợp với trình độ	4.3	4.5	3.8	7,3%	3,6%
Giá trị tạo động lực/hứng thú	4.1	4.3	3.7	7,3%	3,6%

Kết quả định lượng cho thấy AI hoạt động hiệu quả nhất ở trình độ sơ cấp và trung cấp. Giáo viên nhận xét các nhiệm vụ thường phản ánh tình huống quen thuộc với học sinh Việt Nam như sinh hoạt ở trường, hội thoại chợ hay giao tiếp gia đình. Với người học sơ cấp, AI tạo cấu trúc đơn giản và vốn từ quen thuộc; ở trung cấp, xuất hiện hội thoại phức tạp hơn với giả định, so sánh và sắp xếp sự kiện.

Tuy nhiên, với người học nâng cao, giáo viên tỏ ra dè dặt. Nội dung AI thường thiếu chiều sâu và sắc thái văn hóa cần thiết. T3 nhận xét: “Nhiệm vụ cho học sinh nâng cao tuy đúng ngữ pháp nhưng thiếu tinh tế và chưa phản ánh diễn ngôn chân thực.”

Một điểm tích cực là học sinh hứng thú hơn

Bảng 3. Những hạn chế được giáo viên ghi nhận khi sử dụng AI trong phát triển nhiệm vụ ngôn ngữ (N = 55)

Hạn chế ghi nhận	Tỷ lệ giáo viên báo cáo
Thiếu sắc thái văn hóa trong nội dung tạo ra	72,7%
Chưa đồng bộ với mục tiêu chương trình học	65,5%
Khó kiểm soát mức độ khó của nhiệm vụ	58,2%
Khái quát hóa quá mức các ngữ cảnh ngôn ngữ	54,5%
Cần biên tập lại để đảm bảo độ chính xác	81,8%

Vấn đề được nêu nhiều nhất là cần biên tập lại. Dù AI cung cấp khung nền, giáo viên phải chỉnh sửa đáng kể để phù hợp với chương trình và vốn từ. Người tham gia T4 nhận xét: “ChatGPT tạo ngôn ngữ rõ ràng, nhưng ngữ cảnh không phải lúc nào khớp với chủ đề, nên chỉnh sửa tốn nhiều thời gian.”

Một hạn chế khác là thiếu phù hợp văn hóa. AI thường tạo bối cảnh thiên về phương Tây, như “trường trung học Mỹ” hay “trung tâm thương mại ngoại ô”, xa lạ với học sinh Việt Nam. T5 cho biết phải thường xuyên điều chỉnh để đảm bảo gần gũi.

Mức độ khó cũng khó kiểm soát. Dù có thể yêu cầu “sơ cấp”, một số nhiệm vụ vẫn chứa cụm động từ hoặc thành ngữ vượt năng lực học sinh.

Ngoài ra, AI chưa gắn kết với chương trình học, gây lo ngại về tính bền vững. Dù có thể tạo nhiều tài liệu theo yêu cầu, việc thiếu đối chiếu với mục tiêu quốc gia khiến áp dụng gặp khó khăn. Giáo viên nhấn mạnh cần có chức năng giúp AI điều chỉnh nội dung theo đơn vị bài học hoặc khung CEFR.

2.4. Thảo luận

Nghiên cứu cho thấy một thực tế hai mặt: trí tuệ nhân tạo (AI) vừa mở ra tiềm năng lớn trong việc tạo bài tập ngôn ngữ giàu ngữ cảnh, vừa đặt

với các tình huống gắn với đời sống. T1 cho biết: “Các đoạn hội thoại về ẩm thực đường phố hay phương tiện công cộng khiến học sinh tham gia sôi nổi và sử dụng ngôn ngữ tự nhiên hơn.”

Tổng hợp phản hồi giáo viên, học sinh và phân tích mẫu cho thấy: AI hỗ trợ tốt cho ôn tập có ngữ cảnh ở trình độ sơ cấp và trung cấp, nhưng chưa đáp ứng độ phức tạp diễn ngôn ở trình độ cao.

2.3.3 Thách thức và hạn chế trong phát triển nhiệm vụ ngôn ngữ có hỗ trợ AI

Mặc dù có những lợi ích rõ rệt, việc triển khai công cụ AI trong giáo dục bộc lộ nhiều thách thức, từ độ tin cậy của nội dung cho đến sự tích hợp sư phạm. Các cuộc phỏng vấn và khảo sát đã xác định một số hạn chế, được tóm tắt trong Bảng 3.

ra nhiều thách thức về sư phạm và cấu trúc. Đa số giáo viên công nhận AI hữu ích trong việc khắc phục hạn chế của sách giáo khoa tĩnh, nhưng nhấn mạnh sự cần thiết của điều chỉnh văn hóa và kiểm tra tính phù hợp. Với câu hỏi về hiệu quả, dữ liệu khẳng định AI có thể tạo bài tập ngữ nghĩa theo ngữ cảnh với độ chính xác ngữ pháp cao, đặc biệt cho người học sơ cấp và trung cấp, nhờ khả năng mô phỏng tình huống đời thực. Tuy nhiên, kết quả định tính chỉ ra rằng nội dung AI thiếu định hướng sư phạm nếu không được giám sát, dễ lẫn lộn giữa dạy học và đánh giá, trong khi chất lượng đầu ra phụ thuộc nhiều vào kỹ năng thiết kế lệnh nhắc của giáo viên.

Trong bối cảnh Việt Nam, AI mang lại giải pháp linh hoạt khi sách giáo khoa chậm cập nhật. Giáo viên ở đô thị đã khai thác hiệu quả, nhưng khu vực nông thôn còn gặp hạn chế do hạ tầng và thiếu đào tạo. Do đó, AI nên được tích hợp như công cụ hỗ trợ, không thay thế vai trò trung tâm của giáo viên. Tương lai cần nghiên cứu so sánh hiệu quả lớp học ứng dụng AI với phương pháp truyền thống, đồng thời tăng cường bồi dưỡng năng lực số cho giáo viên.

Về chính sách, nghiên cứu đề xuất năm khuyến nghị: (1) MOET xây dựng hướng dẫn quốc gia về chuẩn mực sử dụng AI, đảm bảo tính xác thực,

phù hợp văn hóa và giá trị sư phạm; (2) đào tạo giáo viên lồng ghép năng lực AI, bao gồm kỹ năng chỉnh sửa và đạo đức sử dụng; (3) phát triển AI bản địa hóa hợp tác cùng doanh nghiệp trong nước; (4) khuyến khích mô hình hợp tác giáo viên-AI để AI chỉ đóng vai trò hỗ trợ; (5) thiết lập cơ chế phản hồi định kỳ và bảo đảm tuân thủ chuẩn đạo đức, bảo mật dữ liệu.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy một thực tế hai mặt: AI mở ra tiềm năng lớn trong việc cung cấp các bài tập ngôn ngữ giàu ngữ cảnh, nhưng còn nhiều thách thức sư phạm và cấu trúc. Đa số giáo viên công nhận nội dung AI hữu ích, đặc biệt trong việc khắc phục hạn chế của sách giáo khoa tĩnh, song nhấn mạnh sự cần thiết của điều chỉnh, thích ứng văn hóa và kiểm tra tính phù hợp.

Với câu hỏi nghiên cứu thứ nhất về hiệu quả, dữ liệu khẳng định AI có thể tạo ra bài tập ngữ nghĩa theo ngữ cảnh với độ chính xác ngữ pháp và mức phù hợp cao, nhất là cho người học sơ cấp

và trung cấp. Công cụ đáp ứng tốt các tình huống mô phỏng đời thực, cho phép nhanh chóng tạo nhiệm vụ gắn với trải nghiệm quen thuộc. Tuy nhiên, đối với câu hỏi thứ hai về thách thức, kết quả định tính cho thấy nội dung AI thiếu định hướng sư phạm nếu không được giám sát, dễ lẫn lộn giữa tài liệu giảng dạy và đánh giá. Chất lượng đầu ra phụ thuộc đáng kể vào kỹ năng thiết kế lệnh nhắc của giáo viên; nếu không chính xác, AI có thể tạo nội dung thừa, xa lạ văn hóa hoặc lệch độ khó.

Trong bối cảnh Việt Nam, AI mang lại giải pháp linh hoạt khi sách giáo khoa chậm cập nhật. Giáo viên ở đô thị đã khai thác nhiều, trong khi khu vực nông thôn còn hạn chế bởi hạ tầng và đào tạo. Do đó, AI nên được tích hợp như công cụ hỗ trợ trong hệ sinh thái do giáo viên dẫn dắt. Tương lai cần nghiên cứu so sánh hiệu quả giữa lớp học dùng AI và phương pháp truyền thống, đồng thời tăng cường bồi dưỡng năng lực số cho giáo viên để tối đa hóa tác động tích cực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Boeru, M. (2024). Exploring the use of AI Tools in Teaching English for Specific Purposes (ESP). *Scientific Bulletin'Mircea cel Batran'Naval Academy*, 27(1).
- Chung, J. Y., & Jeong, S. H. (2024). Exploring the perceptions of Chinese pre-service teachers on the integration of generative AI in English language teaching: Benefits, challenges, and educational implications. *Online Journal of Communication and Media Technologies*, 14(4), e202457.
- Gayed, J. M., Carlon, M. K. J., Oriola, A. M., & Cross, J. S. (2022). Exploring an AI-based writing Assistant's impact on English language learners. *Computers and Education: Artificial Intelligence*, 3, 100055.
- Hua Hong Hieu and Le Thanh Thao (2024). Exploring the impact of AI in language education: Vietnamese EFL teachers' views on using ChatGPT for fairy tale retelling tasks. *International Journal of Learning, Teaching and Educational Research*, 23(3), 486-503.
- Hwang, W. Y., Nurtantyana, R., Purba, S. W. D., Hariyanti, U., Indrihapsari, Y., & Surjono, H. D. (2023). AI and recognition technologies to facilitate English as foreign language writing for supporting personalization and contextualization in authentic contexts. *Journal of Educational Computing Research*, 61(5), 1008-1035.
- Jegede, O. O. (2024). Artificial Intelligence and English Language Learning: Exploring the Roles of AI-Driven Tools in Personalizing Learning and Providing Instant Feedback. *Universal Library of Languages and Literatures*, 1(2).
- Khoso, A. K., Honggang, W., & Darazi, M. A. (2025). Empowering creativity and engagement: The impact of generative artificial intelligence usage on Chinese EFL students' language learning experience. *Computers in Human Behavior Reports*, 18, 100627.
- Mohammed, G. M. S., & Ja'ashan, M. M. N. H. (2024). Exploring the Effect of AI-Driven Contextual Conversations on EFL Grammar Learning at University Level in Saudi Arabia. *Journal of Ecohumanism*, 3(8), 11909-11924.